TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 127/2023/HS- ST
Ngày 22/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiển và bà Nguyễn Thị Vĩnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 127/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Lê Gia H, sinh năm 1973 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hoá (học vấn): 7/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân T0, sinh năm 1940 (ông T0 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì) và bà Phạm Thị V, sinh năm 1949; có vợ là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng khởi tố và truy nã ngày 11/01/2023. Đến ngày 16/02/2023 Hiệp ra đầu thú, tạm giữ từ ngày 16/02/2023 đến ngày 25/02/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt tại phiên tòa).*

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Thị T2, sinh năm 1981; nơi cư trú:Thôn Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình *(có mặt tại phiên tòa).*

- Anh Lê Xuân H2, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình *(có mặt tại phiên tòa).*

* Người làm chứng:

- Ông Lê Văn K, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình *(có mặt tại phiên tòa).*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, tỉnh Thái Bình *(vắng mặt tại phiên tòa).*

- Anh Nguyễn Đương K1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 152 B, thị trấn Đ,

huyện Đ, tỉnh Thái Bình *(vắng mặt tại phiên tòa)*.

- Chị Đặng Thị P, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số 152 B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình *(có mặt tại phiên tòa)*.

- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình *(có mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Gia H và vợ là chị Nguyễn Thị T2 có tài sản chung là thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ 04-2017, diện tích 377,3m^2 (trong đó đất ở: 147,8m^2, đất trồng cây lâu năm 229,5m^2), địa chỉ tại thôn T, xã M (nay là xã M), huyện Đ, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH55xxx, cấp ngày 16/5/2017. Sau đó do sai sót thông tin nên Văn phòng đăng ký đất đai Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng đã làm thủ tục thu hồi để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CGxxxx. Ngày 26/5/2017, vợ chồng H ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng VPBank để vay vốn kinh doanh, đăng ký tài sản đảm bảo là thửa đất trên. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 9/2020, H đã có hành vi cung cấp thông tin cho người khác để làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy đăng ký xe ô tô sau đó 03 lần thực hiện hành vi sử dụng các tài liệu giả này để mua bán tài sản, thế chấp, vay mượn tiền. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH556572, H chụp ảnh và lưu trong điện thoại. Khoảng tháng 6/2017, tại một quán nước gần bến xe khách Mỹ Đình, H nghe một người xe ôm lạ mặt nói về việc làm giấy tờ giả nên H gửi ảnh chụp qua Zalo của người này và thuê làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH556572. Hiệp ngồi đợi khoảng 02 tiếng thì người này quay lại đưa cho H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được làm giả với chi phí 1.000.000 đồng. H khai mục đích làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là do đã khoe với anh em bạn bè, không muốn ai biết việc tài sản thế chấp ngân hàng nên chỉ để phòng khi có người hỏi thì H đưa ra. Thời gian sau đó từ năm 2017 đến năm 2020, H cất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cùng với các giấy tờ khác trên xe ô tô của mình. Việc này chỉ có một mình H biết, không nói gì với vợ con. Khoảng đầu năm 2020, vợ chồng ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị L là họ hàng và là hàng xóm đặt vấn đề mua lại khoảng 100m^2 đất vườn tạp của vợ chồng H thì vợ chồng H đồng ý, hai bên thống nhất, thỏa thuận chuyển nhượng với giá là 850.000.000 đồng. Ngày 12/01/2020 bà L đã đưa trước cho H số tiền 400.000.000 đồng. Trước khi đưa số tiền còn lại, bà L đề nghị H phải đưa giấy tờ để làm tin nên ngày 14/01/2020, H sang nhà gặp và đưa cho bà L giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CH556572 mà H đã làm từ trước đó. Bà L tin tưởng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đưa là thật nên đã giao nốt số tiền 450.000.000 đồng cho H và hai bên lập giấy chuyển nhượng đất (viết tay) có nội dung H đã nhận đủ số tiền 850.000.000 đồng, hẹn đến ngày 24/3/2020 Hiệp có trách nhiệm làm thủ tục giấy tờ chuyển nhượng đất cho ông

K, bà L. H khai mục đích đưa cho bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để bà L tin tưởng diện tích đất đó đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc sở hữu hợp pháp của vợ chồng H để hoàn thành việc mua bán chuyển nhượng chứ không có ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà L. Số tiền chuyển nhượng đất cho bà L, vợ chồng H đã sử dụng để kinh doanh và trả một số khoản nợ lãi, trong đó có trả lãi Ngân hàng. Đến khoảng tháng 7/2020, gia đình bà L đã xây dựng tường bao, xác lập quyền quản lý, sử dụng phần đất đã thỏa thuận nhận chuyển nhượng.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 01/2020, H lên mạng đặt làm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐxxxxx mang tên ông Nguyễn Văn T0, sinh năm 1974 và bà Lê Thị T0, sinh năm 1981, ở địa chỉ xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vợ chồng ông T0, bà T0 là em gái, em rể của H không biết) và 01 Giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato biển số 17A-152.76 mang tên Lê Gia H (thực tế đăng ký của chiếc xe ô tô mang tên anh Lê Xuân H2, con trai H) với chi phí là 1.000.000 đồng. Ngày 01/4/2020, H đến gặp vợ chồng anh Nguyễn Đương K1, chị Đặng Thị P ở thị trấn Đ, H giới thiệu tên là Nguyễn Văn T (theo tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để vay số tiền 50.000.000 đồng, đồng thời để lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ464674 (giả). Vợ chồng anh K1 tin tưởng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thật nên đồng ý cho H vay; hai bên viết giấy vay tiền (trong giấy vay tiền không nêu về lãi suất). Một thời gian sau vợ chồng anh K phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả và biết được lai lịch của H thì H đã đến gặp, thừa nhận hành vi gian dối và thế chấp khoản vay cho anh K1 bằng 01 chiếc xe ô tô loại 16 chỗ. Đến ngày 11/02/2021 vợ chồng H đã trả cho anh K1 số tiền 50.000.000 đồng và mang chiếc xe ô tô loại 16 chỗ về.

Lần thứ ba: Ngày 23/9/2019, gia đình H làm thủ tục vay thế chấp Ngân hàng VIB- Chi nhánh Thái Bình số tiền 400.000.000 đồng để mua trả góp chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato biển số 17A-xxxxx Anh Lê Xuân H2 là con trai H đứng tên trên giấy đăng ký xe và ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng VIBBank tuy nhiên thực tế H là chủ sở hữu tài sản và thường xuyên sử dụng chiếc xe này. Khoảng tháng 01/2020, H làm giả giấy đăng ký của chiếc xe ô tô này nhưng lấy tên trên đăng ký xe là Lê Gia H (đặt làm giả cùng với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ464674 như đã nêu ở trên). Anh H2 không biết việc H làm giả giấy đăng ký xe ô tô. Sau đó khoảng giữa năm 2020 H mang chiếc xe ô tô này đến gặp một người đàn ông tên là T ở xã Đ, thành phố Thái Bình để vay số tiền 220.000.000 đồng và gửi lại chiếc xe (cùng đăng ký xe giả) để làm tin. Khoảng tháng 9/2020, H vay anh K2 số tiền 220.000.000 đồng để mang trả cho anh Thắng. Anh K2 cùng H đến gặp anh T để trả nợ cho H và mang chiếc xe ô tô cùng giấy đăng ký xe (giả) về nhà anh K2. Đến ngày 16/9/2020 vợ chồng anh K2 phát hiện giấy đăng ký xe trên là giả nên đã yêu cầu H đưa anh Lê Xuân H2 là con trai H (người đứng tên trên đăng ký xe) đến viết giấy vay số tiền đã đưa cho H, thì H đã đưa anh H đến viết giấy vay số tiền 220.000.000 đồng theo yêu cầu của anh Kiên. Sau đó H đề nghị anh K2 đồng ý để H bán chiếc xe trên để trả Ngân hàng và trả một phần nợ cho vợ chồng anh K2. H bán chiếc xe này để trả Ngân hàng VIB- Chi

nhánh Thái Bình và trả một phần tiền cho anh K2, vẫn còn nợ lại anh K2 số tiền 155.000.000 đồng.

Đến tháng 9/2020 vợ chồng H vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên các khoản vay phải chịu lãi suất và phạt chậm trả. Đến tháng 4/2021, do làm ăn thua lỗ không có tiền trả nợ; vợ H không đồng ý bán tài sản. H đã rời khỏi địa phương đi làm thuê, không liên lạc về gia đình. Ngày 02/3/2022, Ngân hàng có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng yêu cầu vợ chồng Hiệp trả nợ. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án dân sự, bà Lý cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả) đang giữ của Hiệp. Xét thấy có dấu hiệu tội phạm, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng đã chuyển hồ sơ cho Công an huyện Đông Hưng.

Ngày 14/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, sau đó ra quyết định khởi tố bị can và ra Quyết định truy nã đối với Lê Gia H về tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Ngày 16/02/2023 H ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Tại các bản kết luận giám định của cơ quan chuyên môn có nội dung như sau:

- Kết luận giám định số 188/KL- KTHS (TL) ngày 14/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: *"01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 556572 ký hiệu A là giả"*;

- Kết luận giám định số 190/KL- KTHS (TL) ngày 24/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: *"Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Gia Hiệp dưới mục "người Bán:" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chứ ký, chữ viết của Lê Gia Hiệp trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người ký, viết ra"*;

- Kết luận giám định số 292/KL- KTHS (TL) ngày 11/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: "01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 464674 mang tên ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 và bà Lê Thị T0, sinh năm 1981 ở địa chỉ xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình và 01 Giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato biển số 17A-152.76, mang tên Lê Gia H là giả";

- *Tại phiên tòa:*

+ Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố. Bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

+ Chị Lê Thị T2 khai: Chị là vợ anh Nguyễn Văn T và là em gái của bị cáo H. Hiện tại vợ chồng chị đang sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01, có diện tích 112,4m^2 ở thôn T, xã M, huyện Đ. Thửa đất trên vợ chồng chị mua từ năm 2005. Đến năm 2008 vợ chồng chị chuyển nhượng cho bị cáo H nhưng mục đích để nhờ bị cáo H đứng tên làm thủ tục vay tiền Ngân hàng. Đến năm 2011 sau khi vợ chồng chị trả tiền vay Ngân hàng thì bị cáo H lại chuyển nhượng lại thửa đất

trên cho vợ chồng chị. Hiện vợ chồng chị vẫn đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất đó. Vợ chồng chị không biết việc bị cáo H làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất mang tên vợ chồng chị. H tự ý làm giả thì phải chịu trách nhiệm. Hiện chồng chị đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh.

+ Anh Lê Xuân H2 khai: Anh là con trai của bị cáo H. Tháng 9/2019 bố mẹ anh có mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato biển số 17A-152.76 để phục vụ mục đích kinh doanh của gia đình nhưng sử dụng giấy tờ cá nhân của anh để đăng ký cho chiếc xe. Thời điểm mua xe bố mẹ anh chỉ có số tiền 200.000.000 đồng nên Ngân hàng VIBBank hỗ trợ trả góp. Do anh là người đứng tên trên đăng ký xe nên anh ký thủ tục hợp đồng với Ngân hàng. Anh không thế chấp chiếc xe trên cho ai và cũng không biết việc bố anh làm giả giấy đăng ký xe ô tô. Đến ngày 16/9/2020, bố anh gọi anh đến nhà anh K2 ở thị trấn Đông Hưng để viết giấy nhận vay tiền. Lúc đó anh mới biết việc bố anh vay tiền của anh K2 và thế chấp bằng chiếc xe ô tô biển số 17A-152.76 nên bố anh gọi anh đến để viết giấy vay. Thực tế bố anh là Lê Gia H chịu trách nhiệm với khoản vay này. Tháng 12/2021 bố anh đã bán chiếc xe trên và sau đó anh không có liên quan gì đến các hành vi khác của bố anh.

+ Ông Lê Văn K khai: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị L. Việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng Hiệp với vợ chồng ông đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Nếu H không đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc nếu vợ chồng ông biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H đưa cho vợ chồng ông là giả và đất của vợ chồng H đã thế chấp cho Ngân hàng thì vợ chồng ông sẽ không mua đất của vợ chồng H. Ông cũng xác định nội dung lời khai của bà Nguyễn Thị L với cơ quan điều tra là đúng.

+ Chị Đặng Thị P khai: Chị là vợ của anh Nguyễn Đương K2. Chị trình bày về việc H vay tiền, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giả) mang tên ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị T; giấy đăng ký xe ô tô (giả) mang tên Lê Gia H cùng chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato biển số 17A-152.76 đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Chị cũng xác định lời khai của anh K2 với cơ quan điều tra là đúng.

+ Chị Nguyễn Thị T3 khai: Chị là vợ của bị cáo H. Vợ chồng chị và gia đình ông K, bà L có mối quan hệ họ hàng, ở sát nhà nhau. Vào khoảng đầu tháng 01/2020, vợ chồng ông K, bà L có đặt vấn đề mua một phần diện tích đất của vợ chồng chị. Phần diện tích đất này nằm trên tổng diện tích đất vợ chồng chị đã thế chấp cho ngân hàng VPBank từ năm 2017 nhưng do hiểu biết pháp luật hạn chế nên chị nghĩ vẫn có thể bán một phần diện tích tài sản thế chấp. Thời điểm đó chị đang ở miền Nam, không ở nhà nên khi H gọi điện, vợ chồng bàn bạc thống nhất, đồng ý bán cho ông K, bà L diện tích đất khoảng 100m^2. Do ông Khoa thường đi công tác nên việc thỏa thuận chỉ diễn ra giữa H và bà L. Đến ngày 14/01/2020 thì H và bà L ký giấy thỏa thuận mua bán đất. Khi chị từ miền Nam trở về nhà, H đã hai lần đưa tiền cho chị, lần 01 đưa 300.000.000 đồng, lần 02 đưa 400.000.000 đồng, tổng là 700.000.000 đồng. Vợ chồng chị đã sử dụng vào việc kinh doanh của

gia đình và dùng để trả một số khoản nợ chung của vợ chồng. Đến khoảng tháng 7/2022, bà L có sang nhà chị gặp hỏi: *"Đất nhà mày sao lại có 02 sổ đỏ, tao cầm một cái, Ngân hàng cầm một cái"* thì chị nói không biết. Chị hỏi thì H nói Giấy chứng nhận đưa cho bà L là photo ra, ngoài ra không nói gì nữa nên chị không biết cụ thể. Vợ chồng bà L không có ý kiến gì và đã xây dựng công trình trên phần đất đã mua. Đối với các khoản tiền vay, chị không quen biết vợ chồng anh K2 từ trước. Chỉ khi H đưa đến gặp để trả tiền thì mới biết Hiệp có vay mượn tiền. Ngày 11/02/2021 chị cùng H đến để trả 50.000.000 đồng để lấy chiếc xe ô tô 16 chỗ về. Ngày 22/02/2021 chị cùng H và con trai đến để viết giấy vay tiền số tiền 220.000.000 đồng. Việc trước đó chồng chị vay mượn tiền như thế nào thì chị không biết.

- Tại phiên tòa vắng mặt bà Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đương K2. Quá trình làm việc tại cơ quan điều tra những người này khai:

+ Bà Nguyễn Thị L khai: Vợ chồng bà L, ông K và vợ chồng H có quan hệ họ hàng và ở sát nhà nhau. Trước năm 2020 do có nhu cầu mở rộng khuôn viên nhà ở nên vợ chồng bà có đặt vấn đề mua đất của vợ chồng H nhưng vợ chồng H chưa có nhu cầu chuyển nhượng. Đến khoảng tháng 01/2020 thì vợ chồng H đồng ý bán cho vợ chồng bà phần đất trồng cây lâu năm có diện tích khoảng 100 m^2 với số tiền là 850.000.000 đồng. Khi giao dịch H không nói đến việc nguồn gốc đất đang thế chấp cho Ngân hàng. Ngày 12/01/2020 bà đã giao trước cho H số tiền 400.000.000 đồng. Bà có nói với H là: *"Bán đất cho cô thì phải có gì làm tin"* thì H nói: *"Vâng"*. Đến ngày 14/01/2020, tại nhà vợ chồng bà, Hiệp đưa cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH556572 và nói: *"Cô cầm cẩn thận cho cháu"*. Sau đó bà đưa cho H số tiền 450.000.000 đồng còn lại và lập giấy chuyển nhượng trong đó thỏa thuận đến ngày 24/3/2020 Hiệp sẽ cùng bà làm thủ tục chuyển nhượng. Sau khoảng vài tháng vợ chồng bà tiến hành xây dựng hàng rào, đào ao và sử dụng diện tích đất đã mua cho đến nay, không phát sinh tranh chấp gì. Đến khoảng cuối năm 2021 khi đại diện Ngân hàng đến khảo sát thì bà mới biết việc H đã thế chấp sổ đỏ cho Ngân hàng. Tháng 7/2022, bà được Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng mời đến để làm việc liên quan đến diện tích đất mà vợ chồng bà mua của vợ chồng H thì bà cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Hiệp đưa và được biết là giả. Khi đó H không có mặt ở nhà nên bà hỏi chị Thao là: *"Tại sao đất nhà mày lại có hai sổ đỏ"* thì chị T3 trả lời: *"Cháu không biết"*. Bà cho rằng nếu biết đất đang thế chấp tại Ngân hàng thì sẽ không mua.

+ Anh Nguyễn Đương K2 khai: Ngày 01/4/2020 khi anh và vợ là chị Đặng Thị P đang ở nhà thì có bạn là anh Phạm Hoàng Tr ở xã P2, huyện Đ, tỉnh Thái Bình liên lạc giới thiệu có người muốn hỏi vay mượn tiền. Sau đó có một người đàn ông khoảng 50 tuổi đến gặp, giới thiệu tên là Nguyễn Văn T, sinh năm 1974, trú tại xã M, huyện Đ và muốn vay số tiền 50.000.000 đồng, để lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ464674 mang tên ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 và bà Lê Thị T2, sinh năm 1981 ở địa chỉ xã Minh Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Anh đồng ý cho vay và hai bên viết giấy vay tiền. Sau đó anh mang giấy chứng nhận trên đến Văn phòng công chứng để kiểm tra thì phát hiện là giả. Anh tìm hiểu thì biết người vay không phải tên là Nguyễn Văn T mà là Lê Gia H.

Sau đó Hiệp có mang đến 01 chiếc xe ô tô 16 chỗ để lại làm tin. Ngày 11/02/2021 vợ chồng H trả cho anh số tiền 50.000.000 đồng đã vay và lấy chiếc xe trên về. Anh vẫn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mà H đã đưa. Đến khoảng giữa tháng 9/2020, khi chưa trả cho anh khoản vay trước đó thì H tiếp tục đến gặp anh đặt vấn đề vay số tiền 220.000.000 đồng để trả cho người có tên là Th ở xã Đ, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Anh đồng ý và cùng H đến gặp người đàn ông tên Th để trả tiền cho H sau đó mang chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato biển số 17A-152.76 kèm theo giấy đăng ký xe ô tô mang tên Lê Gia H (là tài sản bảo đảm khoản vay) về nhà mình. Đến ngày 16/9/2020 anh biết giấy đăng ký xe trên là giả. Lúc này H thừa nhận giấy đăng ký xe là giả còn giấy đăng ký xe thật mang tên Lê Xuân H2 (con trai của H) đã thế chấp tại Ngân hàng để vay số tiền 400.000.000 đồng. Anh đã yêu cầu H đưa anh H2 đến để viết giấy vay số tiền đã đưa cho Hiệp. Sau một thời gian anh chấp nhận để H bán xe trả Ngân hàng và trả cho anh được một khoản, vẫn còn nợ lại 155.000.000 đồng.

* Ngày 27/10/2023, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng mở phiên tòa xét xử vụ án. Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng để điều tra bổ sung và xem xét xử lý Lê Gia H về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của vợ chồng ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị L; vợ chồng anh Nguyễn Đương K2, chị Đặng Thị P và người đàn ông tên Th. Đồng thời xem xét vai trò đồng phạm của chị Nguyễn Thị T3 cùng với Lê Gia H trong việc thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của vợ chồng ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị L.

Ngày 23/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã có công văn chuyển trả lại hồ sơ, giữ nguyên quan điểm truy tố nên Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng tiến hành xét xử vụ án.

* Tại Cáo trạng số 77/CT-VKSĐH ngày 28/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng truy tố bị cáo Lê Gia Hiệp về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo các điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Gia Hiệp theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/02/2023 đến ngày 25/02/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng, những vấn đề khác và án phí.

Bị cáo tranh luận: Bị cáo chỉ sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức chứ bị cáo không làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức vì thực tế bị cáo phải bỏ tiền ra để thuê người khác làm. Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là nặng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị T2 và anh Lê Xuân H2 không tranh luận gì.

Kiểm sát viên đáp lại ý kiến tranh luận của bị cáo: Bị cáo không trực tiếp làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức nhưng thực tế bị cáo đã cung cấp thông tin để người khác làm giả các tài liệu của cơ quan, tổ chức và sau đó sử dụng các tài liệu giả để mua bán tài sản, thế chấp, vay mượn tiền. Vì vậy, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không có mục đích lừa gạt ai. Do bị cáo không hiểu biết pháp luật nên dẫn tới việc phạm tôi. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ như: Lời khai bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn K; Đơn tố giác tội phạm cùng lời khai của anh Nguyễn Đương K2, chị Đặng Thị P; Lời khai chị Nguyễn Thị T3, anh Lê Xuân H2; Lời khai của chị Lê Thị T2; Kết luận giám định số 188/KL-KTHS (TL) ngày 14/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 190/KL- KTHS (TL) ngày 24/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 292/KL- KTHS (TL) ngày 11/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Biên bản xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đông Hưng và tại UBND xã M, huyện Đ; Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Lê Gia H đã có hành vi cung cấp thông tin cho người khác để làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 giấy đăng ký xe ô tô sau đó 03 lần thực hiện hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, giấy đăng ký xe ô tô giả để thực hiện các giao dịch mua bán tài sản, thế chấp, vay mượn tiền. Hành vi của bị cáo Lê Gia H đã phạm vào tội: *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*, theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

*"**1**. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.*

***2**. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:*

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;

d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;

...".

***4**. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính và còn gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và các cá nhân. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm.

[4]. Khi quyết định hình phạt, xét thấy:

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Quá trình tố tụng, bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là: Người phạm tội ra đầu thú và có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì.

[5]. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định mức án tương xứng đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công ăn việc làm, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, hiện còn đang nợ Ngân hàng và các cá nhân, đến nay chưa có khả năng trả nợ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng vụ án: Đối với vật chứng là các tài liệu giả gồm (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH556572; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ464674; Giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu KIA Cerato biển số 17A-152.76) không tiêu hủy, sẽ được lưu trong hồ sơ vụ án.

[7]. Quá trình nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng tại phiên tòa. Xét thấy: Hành vi của Lê Gia H có dấu hiệu tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đối với vợ chồng ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị L, vợ chồng anh Nguyễn Đương K2 chị Đặng Thị P và người đàn ông tên Th; trong đó có vai trò đồng phạm của chị Nguyễn Thị T3 mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng chưa khởi tố điều tra là bỏ lọt tội phạm nên cần kiến nghị với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình và Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xem xét xử lý về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Lê Gia H; đồng thời xem xét vai trò đồng phạm của chị Nguyễn Thị T trong việc giúp sức cho bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tiền của vợ chồng ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị L.

[8]. Về các tình tiết có liên quan trong vụ án:

- Do chỉ xét xử Lê Gia H về tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" nên không giải quyết các khoản nợ của vợ chồng Hiệp với Ngân hàng và các cá nhân trong vụ án này.

- Đối với anh Lê Xuân H2, chị Lê Thị T2, anh Nguyễn Văn T, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định: Anh T, chị T2, anh H không biết việc bị cáo làm giả, sử dụng tài liệu giả là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy đăng ký xe ô tô mang mình nên không có căn cứ để xử lý về hành vi đồng phạm với bị cáo.

- Đối với những người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy đăng ký xe ô tô cho Hiệp, do bị cáo không biết tên, tuổi địa chỉ hoặc thông tin khác nên hiện tại không có cơ sở để xử lý.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Gia H phạm tội *"Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Gia H 03 *(ba)* năm 06 *(sáu)* tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 16/02/2023 đến ngày 25/02/2023). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình và Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xem xét xử

lý Lê Gia H về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của vợ chồng ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị L và vợ chồng anh Nguyễn Đương K2, chị Đặng Thị P và người đàn ông tên Th; đồng thời xem xét vai trò đồng phạm của chị Nguyễn Thị T3 trong việc giúp sức cho bị cáo Lê Gia H lừa đảo chiếm đoạt tiền của vợ chồng ông Lê Văn K, bà Nguyễn Thị L.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Bị cáo Lê Gia H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/12/2023)./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND H.Đông Hưng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS H.Đông Hưng;
- Công an H.Đông Hưng;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Kiên Trung